

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HSST

Ngày 20 - 7 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhẫn và ông Lê Mạnh Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Bản, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn B, sinh năm 1995; trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; con ông Lưu Quý T và bà Dương Thị S (đã chết); chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 3 năm 2017 đến nay, có mặt.

2. Phùng Thế A, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phùng Văn M và bà Nguyễn Thị Phương C; chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: 01, Bản án số: 04/2016/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2016 phạt 03 (ba) tháng 24 (hai mươi tư) ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 3 năm 2017 đến nay, có mặt.

Người bị hại: Anh Ôn Đức T, sinh năm 1994; trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Ôn Văn H, sinh năm 1987; trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Phương C, sinh năm 1970; trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

3. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lưu Văn B và bị cáo Phùng Thế A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 15 tháng 3 năm 2017, Lưu Văn B và Ôn Văn H, sinh năm 1994 chơi điện tử tại quán A của gia đình anh Lã Văn H ở thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thì Ôn Đức T điều khiển xe mô tô Wave RS, nhãn hiệu HONDA, BKS 88E1- 099.61 (mượn của anh trai là Ôn Văn H, sinh năm 1987) đến chơi điện tử.

Trong khi chơi, B nhận được điện thoại của Phùng Thế A bảo B xuống ngã tư thôn S, xã Đ, huyện T đón A đi lấy tiền, B nói “Chờ tý tao gọi lại”, B quay sang hỏi mượn T xe, T không đồng ý, khoảng 05 phút sau, B tiếp tục hỏi mượn xe nhưng T vẫn không đồng ý. Do là bạn bè và thấy B hỏi mượn xe nhưng T không đồng ý nên Ôn Văn H, sinh năm 1994 đang ngồi chơi ở cạnh nói với T “Cho nó đi tý, đi lấy tiền về thì cùng về”, T đồng ý và nói “Đi nhanh để tao còn về” đồng thời đưa chìa khóa xe cho B.

Sau khi mượn được xe, B điều khiển xe từ xã B xuống ngã tư thôn S để gặp A. Trên đường đi, B nảy sinh ý định cầm cổ xe lấy tiền tiêu sài. Do xe không có giấy tờ và không biết chỗ cầm cổ, B điện thoại cho A hỏi “Mày đang ở đâu”, A nói “Tao đang ở ngã tư S”, B nói tiếp “Tao mượn được cái xe của bạn tao nhưng nó không cho mượn giấy tờ, mày có tiền không cầm cho tao cái xe”, A nói “Tao chỉ có hai triệu thôi mày cầm được thì cầm”, B nói “Hai triệu thì cầm làm gì, mày xem chỗ nào cầm được thì cầm hộ tao năm triệu”, A đồng ý và hỏi tiếp “Xe có ngon không”, B nói “Quá ngon”, Thế Anh nói “Mày mang xuống đây tao đi cầm cho”, B đồng ý.

Khoảng 20 phút sau, B đến ngã tư thôn S thì gặp A cùng Lê Duy N, sinh năm 1998 ở thôn L, xã Đ và Thên Thị N (G), sinh năm 1995 ở xã T, huyện S, tỉnh Hà Giang. A và B nói chuyện riêng với nhau, A bảo B đưa xe để đem đi cầm cổ, B đồng ý giao xe và chìa khóa cho A. A bảo B lên xe taxi đi cùng N (G) xuống ngã tư xã H trước đợi A, A cùng N đi về nhà N lấy Chứng minh nhân dân của A. B, N (G) xuống ngã tư xã H ngồi uống nước, khoảng 30 phút sau A và N đi xe máy đến, N xuống xe vào ngồi uống nước cùng với B và N (G), A một mình điều khiển xe mô tô BKS 88E1 - 099.61 đi cầm cổ.

Phùng Thế A khai: Thế A đem xe đến nhà Trần Văn Đ cầm cổ được 4.000.000đ nhưng Đ đưa cho 3.800.000đ, còn lại cắt lãi 200.000đ. Sau đó, A quay lại ngã tư xã H, A rủ B, N (G), N xuống thành phố Hà Nội chơi. A gọi xe taxi, cả nhóm đi xuống khu vực chợ B, thành phố Hà Nội ăn uống, A mua cho B 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 50.000đ. Sau khi ăn uống, cả nhóm bắt xe taxi về nhà N, N và B ở lại nhà N ngủ, A và N (G) tiếp tục đi chơi. A và B tiêu sài cá nhân hết số tiền cầm cổ xe. Từ khi cầm cổ xe đến nay A chưa đến trả tiền và lấy xe mô tô đã cầm cổ cho Đ.

Trần Văn Đ khai: Đêm ngày 15 tháng 3 năm 2017, A vay của Đ 4.000.000đ và để lại 01 chiếc xe mô tô HONDA Wave, BKS 88E1-099.61 để đảm bảo. A không cho Đ biết và Đ không hỏi nguồn gốc chiếc xe, Đ nghĩ đó là

xe của A nên cho A đặt lại đảm bảo. Sáng ngày 16 tháng 3 năm 2017, A đến trả tiền và lấy xe.

Sau khi B mượn xe, khoảng hơn 20 giờ cùng ngày T điện thoại cho B để đòi xe, B nghe máy nói “Tao đang về”. T tiếp tục ngồi đợi đến khoảng hơn 22 giờ, không thấy B về trả xe nên tiếp tục điện thoại cho B và nói “Mày không đi xe về trả tao à”, B nói “Bây giờ xe đang gửi ở nhà người ta, mượn quá rồi gọi nhưng người ta không dậy mở cửa để lấy xe” và hẹn T đến 06 giờ sáng ngày 16 tháng 3 năm 2017 mang xe về trả. Do mượn nên T và Ôn Văn H, sinh năm 1994 xin ngủ nhờ lại quán, đến ngày 16 tháng 3 năm 2017, T nhiều lần điện thoại cho B đòi xe nhưng B quanh co nói dối, không trả lại xe cho T.

Ngày 29 tháng 3 năm 2017, anh Ôn Đức T làm đơn trình báo Công an huyện Tam Đảo.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 182/KL-HĐĐG ngày 03 tháng 4 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo kết luận: Giá trị còn lại của tài sản là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Ôn Đức T yêu cầu B và A bồi thường số tiền là 10.000.000đ; anh Ôn Văn H, sinh năm 1987 là chủ sở hữu xe mô tô yêu cầu B và A phải bồi thường số tiền là 12.000.000đ. B và A đồng ý bồi thường theo giá trị định giá chiếc xe là 9.500.000đ.

Ngày 28 tháng 5 năm 2017, bà Nguyễn Thị Phương C là mẹ đẻ của Phùng Thế A đã tự nguyện giao nộp số tiền 9.500.000đ của A để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra xác định: Ôn Văn H, sinh năm 1994, B, T là bạn bè, H không trao đổi, bàn bạc gì với B về việc tác động để T cho B mượn xe, H không biết và không trao đổi gì về việc B mượn xe của T đem đi cầm cố. Lê Duy N và Thên Thị N (G) không biết việc B, A đem xe mô tô do B mượn của T đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo không đề cập xử lý đối với Ôn Văn H, sinh năm 1994, Lê Duy N và Thên Thị N (G).

Đối với Trần Văn Đ không thừa nhận việc cho A cầm cố xe mô tô như A khai nhận nên chưa thu hồi được chiếc xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại mà A và B sử dụng liên lạc phạm tội, sau khi phạm tội A và B đã bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số: 35/KSĐT-KT ngày 16 tháng 6 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đã truy tố Lưu Văn B và Phùng Thế A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lưu Văn B và Phùng Thế A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, phạt: Lưu Văn B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự, phạt: Phùng Thế A từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Đề nghị về việc bồi thường và xác nhận bồi thường.

Các bị cáo Lưu Văn B và Phùng Thế A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa Lưu Văn B và Phùng Thế A khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 15 tháng 3 năm 2017, tại quán điện tử A ở thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Lưu Văn B mượn xe mô tô HONDA, BKS 88E1-099.61 (trị giá 9.500.000đ, anh Ôn Văn H, sinh năm 1987 là chủ sở hữu) của anh Ôn Đức T, sinh năm 1994, mục đích xuống ngã tư thôn S, xã Đ đón A đi lấy tiền. Trên đường đi, B nảy sinh ý định cầm cổ xe lấy tiền tiêu sái cá nhân, B điện thoại, bàn bạc với A và được A đồng ý, sau đó B đã giao xe cho A đem cầm cổ cho Trần Văn Đ được 4.000.000đ nhưng cắt lãi 200.000đ, còn lại 3.800.000đ B và A tiêu sái cá nhân hết.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở, kết luận: Lưu Văn B và Phùng Thế A đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự. Tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào có một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

b)..mượn...tài sản của người khác...và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”...

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến chế độ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này, Lưu Văn B là người khởi sự; Phùng Thế A tham gia với vai trò đồng phạm nhưng cũng rất tích cực. Bản thân A đã có 01 tiền án nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội lần phạm tội này của A thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi, vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình. Lưu Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phùng Thế A sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, gia đình có công với Nhà nước (ông bà ngoại bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến).

Về dân sự: Trong vụ án này hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm hại đến tài sản do anh Ôn Đức T đang quản lý hợp pháp nên các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại là anh T. Vì vậy, yêu cầu bồi thường của anh Ôn Văn H không được Tòa án xem xét, chấp nhận.

Quá trình điều tra người bị hại anh Ôn Đức T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 10.000.000đ; bà Nguyễn Thị Phương C (mẹ đẻ của Phùng Thế A) đã giao nộp số tiền 9.500.000đ của A để bồi thường. Xét thấy, mức bồi thường anh T đưa ra là không có căn cứ mà cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 9.500.000đ theo mức hội đồng định giá kết luận là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo Phùng Thế A đề nghị được bồi thường toàn bộ số tiền 9.500.000đ và không yêu cầu gì đối với Lưu Văn B về khoản tiền bồi thường, yêu cầu của A là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

Bị cáo Lưu Văn B và bị cáo Phùng Thế A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn B và bị cáo Phùng Thế A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lưu Văn B 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phùng Thế A 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Áp dụng Điều 584, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Phùng Thế A bồi thường cho người bị hại anh Ôn Đức T số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng), xác nhận bà Nguyễn Thị Phương C tự nguyện giao nộp số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) của Phùng Thế A để bồi thường (Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 6 năm 2017).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Lưu Văn B và bị cáo Phùng Thế A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Nhà TGCA huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Bị cáo, DS;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.